

Số: 2204/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 26 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đường giao thông liên xã bản Khừa - Suối Đon, xã Chiềng Khừa đến bản Pha Đón, A Má, xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Công văn số 3753/UBND-KT ngày 21/9/2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đường giao thông liên xã Bản Khừa - Suối Đon, xã Chiềng Khừa đến bản Pha Đón, A Má xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La”; Công văn số 569/CV-BQLDA ngày 09/10/2023 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Sơn La về việc giải trình bổ sung các ý kiến theo Thông báo số 3753/UBND-KT ngày 21/9/2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 631/TTr-STNMT ngày 17/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Đường giao thông liên xã bản Khừa - Suối Đon, xã Chiềng Khừa đến bản Pha Đón, A Má xã Lóng Sập” (sau đây viết tắt là Dự án) của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Sơn La (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La với những nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường có Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin, số liệu trong phương án thiết kế của hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt; kết quả tính toán, tính chịu lực, an toàn của các hạng mục công trình và các nội dung khác trong hồ sơ thiết kế của dự án và có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. **Sở Tài nguyên và Môi trường:** Chịu trách nhiệm toàn diện về quy trình trình phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai sót thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Mộc Châu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh (để công bố);
- Lưu: VT - Hiệu 20 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Ngọc Hậu



PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN XÃ BẢN KHỪA - SUỐI ĐON, XÃ CHIỀNG KHỪA
ĐẾN BẢN PHA ĐÓN, A MÁ, XÃ LÓNG SẬP, HUYỆN MỘC CHÂU

(Kèm theo Quyết định số 2204/QĐ-UBND ngày 26/10/2023 của UBND tỉnh Sơn La)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Đường giao thông liên xã bản Khừa - Suối Đon, xã Chiềng Khừa đến bản Pha Đón, A Má, xã Lóng Sập.

- Địa điểm thực hiện: Xã Chiềng Khừa - xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Chủ dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Sơn La.

- Địa chỉ: Số 51, đường Hoàng Quốc Việt, phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.2.1. Phạm vi của dự án

- Địa điểm thực hiện: Đầu tuyến xã Chiềng Khừa - Cuối tuyến xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu.

+ Điểm đầu tuyến bắt đầu từ lý trình Km0+00 nối vào Km21+200m đường Mường Sang đi Chiềng Khừa thuộc bản Khừa, xã Chiềng Khừa, huyện Mộc Châu.

+ Điểm cuối tuyến: Nối vào Km6+500 đường QL43 đi bản A Má (bản A Má 2), xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu.

1.2.2. Quy mô, công suất của Dự án

- Tổng diện tích chiếm dụng đất của dự án: 20,85 ha (208.489,85 m²).

- Xây dựng tuyến đường theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại B (TCVN 10380:2014).

+ Điểm đầu tuyến bắt đầu từ lý trình Km0+00 nối vào Km21+200m đường Mường Sang đi Chiềng Khừa, thuộc bản Khừa, xã Chiềng Khừa, huyện Mộc Châu.

+ Điểm cuối tuyến: Nối vào Km6+500 đường QL43 đi bản A Má (bản A Má 2), huyện Mộc Châu.

+ Chiều dài toàn tuyến: L= 15,05 Km.

+ Các chỉ tiêu kỹ thuật chính: Tốc độ thiết kế: V_{tk}=15Km/h; bề rộng nền đường: B_n=5,0m (không kể rãnh dọc); bề rộng mặt đường: B_m=3,5m; bề rộng lề đường: B_L=2 x 0,75m = 1,5m; độ dốc dọc tối đa I_{max}=13%; bán kính đường cong nằm tối thiểu: R_{min}=15m; kết cấu mặt đường bằng BTXM/móng cấp phối đá dăm;

Rãnh dọc: Đoạn nền đất, đá phong hoá mạnh tiết diện hình thang, đoạn nền đá cứng liền khối tiết diện hình tam giác; công trình thoát nước thiết kế phù hợp với nền đường; tải trọng thiết kế H13-X60; thuộc loại hình công trình xây dựng vĩnh cửu.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1 Nền đường.

- Bề rộng nền đường $B_n=5,0m$ (không kể rãnh dọc). Bề rộng mặt đường $B_m=3,5m$, $B_l=2 \times 0,75m$. Nền đường dự án nghiên cứu bao gồm các loại hình nền đắp, nền nửa đào nửa đắp, nền đào hình chữ L, cục bộ có nền đào hoàn toàn.

+ Nền đắp: Nền đắp có chiều dày từ 0,5m trước khi đắp nền đường. Các đoạn có độ dốc ngang lớn ($> 20\%$) được đánh cấp, bề rộng cấp $B \geq 1m$; Nền đường đắp chủ yếu dùng đất của mở nền đắp với độ chặt K95; mái taluy đắp đất có độ dốc 1/1,5; đắp đá 1/1,0; một số đoạn nền đắp trên mái dốc thiên nhiên lớn xây tường chắn bằng BTXM. Kết cấu tường chắn bằng BTXM mác 200. Tường chắn dạng trọng lực.

+ Nền đào: Căn cứ vào địa chất cụ thể từng đoạn và thể nằm của đất đá thiết kế độ dốc mái taluy mới khi xây dựng nền đường đào; khi địa chất là đất cấp 3, cấp 4 bên dưới đáy khuôn được lu lèn chặt K95 dày 30cm. Độ dốc mái taluy đào 1/m = 1/0,75 cho taluy là đất C3, đất C4; độ dốc 1/m = 1/0,5 cho taluy đá C4; độ dốc 1/m = 1/0,3 cho taluy đá C3.

1.3.2 Mặt đườn.:

- Mặt đường được thiết kế bằng BTXM M250# có kết cấu như sau:

+ Lớp đáy khuôn đường đắp bằng đất đủ tiêu chuẩn dày 30cm đầm chặt $K \geq 95$; lớp móng bằng cấp phối đá dăm loại II dày 12cm, lót bạt dứa, mặt đường BTXM mác 250 dày 18cm.

+ Lê đường: Đắp bằng đất đầm chặt $K \geq 0,95$ phù hợp với cao độ mặt đường sau khi rải mặt và đảm bảo thoát nước ngang ra rãnh và hai bên đường.

1.3.3. Nút giao: Thiết kế các nút giao bằng cùng mức, đồng bộ hoàn chỉnh phù hợp với quy mô cấp đường, giải pháp thiết kế giống tuyến chính.

1.3.4. Thoát nước dọc tuyến.

- Với những đoạn là nền đất hoặc đá cấp 4 tiết diện của rãnh hình thang đáy dưới rộng 40cm, sâu 30cm. Phía vai đường sử dụng độ dốc 1/1, phía taluy sử dụng độ dốc theo độ dốc mái taluy nền đường, dốc dọc rãnh theo dốc dọc của đường. Gia cố tại các vị trí xung yếu (dốc dọc lớn, đông dân cư, địa chất dễ bị xói lở), kết cấu thành lắp ghép BTXM M200 đúc sẵn dày 7cm, đáy rãnh bằng BTXM M200 đổ tại chỗ.

- Với những đoạn là nền đá cấp 3 tiết diện của rãnh hình tam giác có chiều sâu 30cm. Phía vai đường sử dụng độ dốc 1/0,67, phía taluy sử dụng độ dốc theo độ dốc mái taluy nền đường; dốc dọc rãnh theo dốc dọc của đường.

- Tại các vị trí có khe nước lớn: Xây dựng hồ thu BTXM M200, kết hợp với rãnh dọc để thu, dẫn nước chảy về cống ngang đường.

- Gia cố rãnh chịu lực bằng BTCT M200 tại các vị trí giao nhau với đường dân sinh, kích thước rãnh (90x30)cm dày 15cm, bản rãnh bằng BTCT M300 đổ lắp ghép.

1.3.4. Công trình thoát nước ngang tuyến: Bố trí các cống ngang đường trên tuyến là các cống thoát nước lưu vực, đoạn tuyến gồm công trình thoát nước ngang với khẩu độ D1,0m; D1,5m và cống bản L=6,0m, trong đó: Tận dụng cống tròn D=1,0-1,5m còn tốt; thay thế cống 16 cái cũ bị hư hỏng bằng cống D=1,0-1,5m; xây dựng mới cống.

- Với cống tròn D= 1,0-1,5m: ống cống lắp ghép BTCT M200#. Kết cấu thân cống, móng cống, tường cánh, tường đầu, v.v., bằng BTXM mác 200 đổ tại chỗ M200#.

- Với cống bản mố nhẹ: Thiết kế với chiều dài L= 6m; bề rộng cống bằng bề rộng nền đường. Kết cấu chính của cống như sau: Bản mặt cống, gờ chắn bánh xe, bản vượt bằng BTCT mác 300 đổ tại chỗ; Mũ mố bằng BTCT mác 250 đổ tại chỗ; Thân mố, thân tường cánh, móng mố, móng tường cánh, lòng cầu, thanh chống bằng BTXM mác 200 đổ tại chỗ; Hai bên đầu cống thiết kế cắm cọc tiêu.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án thuộc loại hình có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng cụ thể: chuyển đổi 1,60 ha đất rừng tự nhiên; dự án không thuộc loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không có hoạt động xả thải vào nguồn nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt; không có trụ sở cơ quan, không có các di tích lịch sử, khảo cổ và công trình an ninh, quốc phòng bị ảnh hưởng, không nằm trong vùng quy hoạch quân sự; khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, vùng đất ngập nước quan trọng.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động phát quang tuyến, chuẩn bị mặt bằng thi công; hoạt động đào đắp, thi công các hạng mục công trình; hoạt động vận chuyển nguyên liệu vào dự án, vận chuyển đất đá thải đến bãi thải.

- Các hoạt động nêu trên có khả năng tác động đến môi trường như: phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; ảnh hưởng đến hệ thống giao thông, cảnh quan môi trường xung quanh; nước mưa chảy tràn gia tăng do sự bê tông hóa làm giảm khả năng thấm nước tại khu vực thực hiện dự án.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động bảo dưỡng, bảo trì có phát sinh chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn làm ảnh hưởng đến sức khỏe người dân tại khu vực dự án và vùng lân cận và ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và nước dưới

đất xung quanh khu vực dự án. Tuy nhiên, hoạt động bảo dưỡng, bảo trì không phải hoạt động thường xuyên và chỉ diễn ra định kỳ hoặc đột xuất khi xảy ra hư hỏng và diễn ra trong khoảng thời gian ngắn.

- Hoạt động của phương tiện giao thông dọc tuyến đường gây phát sinh bụi, các khí thải độc hại (NO_x , SO_x , CO , VOC ,...) từ các xe cơ giới. Ngoài ra còn phát sinh tiếng ồn, độ rung ảnh hưởng đến người dân sống và sinh hoạt gần khu vực dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn chuẩn bị, thi công dự án

3.1.1. Nước thải, khí thải

a) Nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên, lưu lượng khoảng $8m^3$ /ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật...coliform.

- Nước thải công nghiệp (*nước thải xây dựng*): Từ hoạt động thi công xây dựng, lưu lượng khoảng $8,64 m^3$ /ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), váng dầu mỡ...

- Nước mưa chảy tràn: nước mưa chảy tràn qua khu vực $3.273,301 m^3$ /ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), độ đục...

b) Bụi, khí thải

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động chuẩn bị mặt bằng tuyến, san nền đường; hoạt động bốc xếp, tập kết nguyên vật liệu khi xây dựng, hoạt động đào đắp các hạng mục trên tuyến, hoạt động của các thiết bị máy móc thi công sử dụng dầu; hoạt động của máy trộn bê tông; hoạt động của công tác thi công đổ bê tông các hạng mục công trình; hoạt động vận chuyển, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất đá thải đến bãi thải,...

- Tính chất (*thông số ô nhiễm đặc trưng*): Bụi, khí SO_2 , NO_x , CO , VOC ,...

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Chất thải rắn sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: Hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng.

- Quy mô (*khối lượng*) khoảng $40 kg$ /ngày với thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, rau củ, bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, giấy báo,...

b) Chất thải rắn thông thường

- Nguồn phát sinh:

+ Hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh chất thải rắn thông thường với thành phần chủ yếu là thực bì, cây cỏ, đất cát bám theo rễ cây. Quy mô (*khối lượng*) khoảng $6.785,74 kg$.

+ Hoạt động đào đắp cát cua, mở tuyến, mở mái taluy, khối lượng đất, đá cần đổ thải. Quy mô (*khối lượng*) khoảng 278.968,59 m³.

c) Chất thải rắn nguy hại

- Nguồn phát sinh: Hoạt động của máy móc thi công xây dựng.

- Quy mô (*khối lượng*): Phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 15 kg/tháng thi công với thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu,... và chất thải nguy hại phát sinh từ như bóng đèn neon, pin, ắc quy, chổi quét sơn, vỏ hộp sơn, dầu mầu que hàn,...

d) Tiếng ồn, độ rung (*nguồn phát sinh và quy chuẩn áp dụng*)

- Nguồn phát sinh: Hoạt động máy móc thi công và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải với khoảng cách từ 30 m÷150 m.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.1.4. Các tác động khác

a) Các tác động không liên quan đến chất thải.

- Tác động do thu hồi, chiếm dụng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất;

- Tác động của quá trình đổ thải;

- Tác động của thay đổi cảnh quan khu vực;

- Tác động môi trường sinh thái và đa dạng sinh học;

- Tác động đến hoạt động giao thông đường bộ;

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực.

b) Các rủi ro sự cố từ dự án.

- Sự cố sạt trượt đất đá;

- Tai nạn lao động;


- Sự cố cháy nổ, cháy rừng;

- Rủi ro do thiên tai bất thường (*bão, mưa lớn*).

3.2. Giai đoạn vận hành dự án

3.2.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Từ hoạt động của công nhân duy tu bảo dưỡng phát sinh khoảng 0,4 m³/ngày (*thời gian gián đoạn 1-2 năm/1 lần, mỗi lần khoảng 3-5 ngày/vị trí*). Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, TSS, BOD, COD, tổng ni tơ, phốt pho, dầu mỡ, coliform...

- Nước mưa chảy tràn: Tổng lượng phát sinh khoảng 3.273,301 (m³/ngày). Thành phần chủ yếu bao gồm các chất cặn bã, các chất lơ lửng (TSS)...

3.2.2. Bụi khí thải: Hoạt động của phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến phát sinh chủ yếu là bụi, khí thải với thành phần chủ yếu là CO_x , NO_x , SO_2 , VOC,...

3.2.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường

- Chất thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên bảo trì, duy tu công trình phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với khối lượng khoảng 2,4kg/ngày (*thời gian bảo trì*) với thành phần chủ yếu là bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn,...

- Chất thải rắn thông thường trong quá trình bảo dưỡng duy tu khoảng 2-3m³/đợt (*gián đoạn 1-2 năm/1 lần, mỗi lần khoảng 3-5 ngày/vị trí*).

b) Chất thải nguy hại: Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa các công trình sẽ phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 2kg/đợt bảo dưỡng với thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu,...

3.2.4. Tiếng ồn, độ rung

Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông trên tuyến phát sinh tiếng ồn và rung chấn tác động tới người dân, các khu dân cư nằm dọc hai bên tuyến với khoảng cách từ 5 m ÷ 10 m. Tiếng ồn và độ rung cao hơn tiêu chuẩn sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe như gây mất ngủ, mệt mỏi, gây tâm lý khó chịu.

3.2.5. Các hoạt động khác

- Tác động do hoạt động giao thông đi lại;
- Tác động tới kinh tế - xã hội;
- Tai nạn giao thông;
- Sạt lở taluy, sụt lún, đứt gãy lòng đường.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

4.1.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

a) Nước thải sinh hoạt

- Hệ thống xử lý nước thải.

+ Nước thải sinh hoạt: Lắp đặt nhà vệ sinh di động kích thước (DxRxC) 3.868 x 2.200 x 2.668 cm (*vật liệu: Modul nguyên khối, vật liệu Composite; nguyên khối đồng bộ có bể chứa chất thải và bồn nước dũ trữ; bể chứa chất thải 1.700 lít; bể dự trữ nước 1.200 lít*); đào 01 hố lắng sơ bộ cấu tạo bằng đất có 02 ngăn, kích thước 2mx1mx1m tại khu vực lán trại công nhân để thu gom nước thải từ quá trình rửa chân tay, ăn uống, rửa bát đĩa. ✓

+ Nước thải xây dựng: Đào 01 hố lắng sơ bộ cấu tạo bằng đất có 02 ngăn, kích thước 2mx1mx1m tại khu vực lán trại công nhân để thu gom nước thải từ quá trình rửa máy móc phương tiện.

+ Nước mưa chảy tràn: Thi công hệ thống rãnh thu gom nước mưa xung quanh khu vực lán trại công nhân, đổ vào hố lắng tại vị trí công trường thi công để lắng lọc nước mưa chảy tràn (*kích thước rãnh rộng 30cmx30cm chiều dài phụ thuộc vào diện tích công trường nhà thầu bố trí*).

- Nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí, phương thức xả thải.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Các khe, rãnh, mương thoát nước chung của khu vực.

+ Vị trí xả thải: Theo tuyến thi công.

+ QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Cột B ($Kq = 0.9$, $Kf = 1,2$) trước khi xả ra khe, ao hồ nhỏ cạnh tuyến đi qua.

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Cột B ($Kq = 0.9$, $Kf = 1,2$) trước khi xả ra khe, ao hồ nhỏ cạnh tuyến đi qua.

b) Đối với công trình xử lý bụi, khí thải

- Hệ thống, thiết bị thu gom xử lý bụi, khí thải: Không có. Tuy nhiên để đảm bảo hạn chế tác động Chủ dự án đề nghị nhà thầu thi công sử dụng các phương tiện, máy móc được đăng kiểm; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

4.1.1.2. Giai đoạn vận hành

a) Đối với nước thải sinh hoạt: Khối lượng phát sinh ít, không thường xuyên, công nhân sau ca làm việc trở về sinh hoạt tại gia đình.

b) Đối với nước mưa chảy tràn.

- Xây dựng, vận hành hệ thống thoát nước mưa chảy tràn đảm bảo đúng kỹ thuật và thiết kế. Thoát nước sau kè bằng hệ thống cống thoát nước, bố trí trên cơ sở quy hoạch, tính toán thủy văn khu vực, các hệ thống kênh mương.

- Định kỳ kiểm tra, loại bỏ rác, các dị vật, nạo vét các rãnh thoát nước và cống thoát nước đảm bảo công tác thoát nước mưa là liên tục, tránh tình trạng ứ đọng nước cục bộ ảnh hưởng đến thoát nước mặt của tuyến đường kè với tần suất 03-06 tháng/lần. ✓

4.1.2. Đối với bụi và khí thải

4.1.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Các phương tiện vận chuyển có đăng ký, đạt các yêu cầu kỹ thuật, không coi nới thêm thùng xe, không chở quá tải trọng cho phép của xe.

- Tất cả các phương tiện vận chuyển nguyên liệu (*đất, cát, xi măng, đá...*) được phủ kín thùng xe, không quá tải ngăn ngừa phát tán bụi vào môi trường. Tập kết vật liệu đúng nơi quy định, không đổ tràn chất thải hoặc vật liệu xây dựng, gây bụi ảnh hưởng đến giao thông và người dân trong khu vực.

- Bố trí cầu rửa bánh xe trước khi tham gia giao thông vận chuyển đất thải, đất đắp để hạn chế ô nhiễm môi trường. Tại đây, bố trí 02 máy bơm xịt rửa lốp xe với công suất đảm bảo để xịt rửa sạch bùn đất bám dính. Nước thải từ hoạt động này được thu gom vào hồ lắng ($1,0 \times 1,0 \times 1,0m$) trước khi chảy vào khe nước cạnh tuyến.

- Không vận chuyển vật liệu xây dựng vào những thời gian cao điểm giao thông (*buổi sáng: từ 6h00' đến 8h30'; buổi trưa: từ 11h – 12h; buổi chiều: từ 17h00' đến 19h00' hàng ngày*).

- Đối với tuyến đường vận chuyển đất, đá thải từ dự án đến bãi thải sẽ bố trí xe phun nước tạo ẩm tưới đường vào các ngày nắng nóng (*định kỳ tưới ẩm 2 lần/ngày*).

- Bố trí nhân công thường xuyên kiểm tra trên tuyến đường vận chuyển thu, dọn đất, đá rơi vãi, không ảnh hưởng đến việc tham gia của các phương tiện giao thông và ô nhiễm môi trường dân cư xung quanh.

- Sử dụng các máy móc, thiết bị có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền; ưu tiên lựa chọn các máy thi công có chất lượng tốt để giảm ồn, rung và khí thải ảnh hưởng đến môi trường.

- Lập kế hoạch thi công và cung cấp vật tư hợp lý nhằm hạn chế lượt xe ra, vào cùng một thời điểm, giảm tình trạng phát tán bụi và khí thải ra môi trường.

4.1.2.2. Giai đoạn vận hành

- Định kỳ bảo dưỡng mặt đường trong giai đoạn vận hành nhằm hạn chế tối đa lớp bê tông bị lão hoá.

- Khi tiến hành bảo dưỡng công trình cần có biển báo, hướng dẫn giao thông và dùng vòi nước làm ẩm khu vực bảo dưỡng trước khi tiến hành duy tu, bảo dưỡng để hạn chế bụi.

- Quá trình bảo dưỡng tránh tập kết nhiều nguyên vật liệu tại tuyến đường, phải tiến hành dọn dẹp sạch sẽ nguyên vật liệu rơi vãi trong và sau khi thi công.

4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực do chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

4.2.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

a) Đối với chất thải rắn sinh hoạt: bố trí 3 thùng rác có nắp đậy loại 120 lít bằng nhựa tại công trường thi công. Đối với các loại rác thải không thể tái chế, tái sử dụng sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý. Các loại chất thải rắn có khả năng tái chế thì thu gom, phân loại và để bán phế liệu.

b) Đối với chất thải rắn xây dựng: Bố trí 07 bãi thải theo dọc tuyến đường thi công đảm bảo đủ sức chứa 278.968,59 m³ đất đá thải (*vị trí các bãi thải được đại diện chủ dự án, UBND xã, chủ hộ, các hộ giáp ranh, đơn vị thiết kế thống nhất tại biên bản thống nhất đổ thải*).

- Vị trí số 01: Thuộc đoạn tuyến TC25 Km1+15,90m - TC26 Km1+70,47m bên phải tuyến, hiện trạng là đất vườn, thuộc quản lý của hộ gia đình Hà Thị Ót, thuộc bản Khừa, xã Chiềng Khừa (*sức chứa khoảng 16.000 m³*).

- Vị trí số 02: Thuộc đoạn tuyến P13 Km4+553,56m - C90 Km4+613,62m bên phải tuyến, hiện trạng là đất vườn, thuộc quản lý của hộ gia đình Hà Thị Xiển, thuộc bản Khừa, xã Chiềng Khừa (*sức chứa khoảng 66.000m³*).

- Vị trí số 03: Thuộc đoạn tuyến P79 Km7+470,52m – P81 Km7+544,89m bên phải tuyến, hiện trạng là đất vườn, thuộc quản lý của hộ gia đình Hạng A Nénh, thuộc bản Suối Đon, xã Chiềng Khừa (*sức chứa khoảng 96.000 m³*).

- Vị trí số 04: Thuộc đoạn tuyến P77 Km11+282,43m - C10 Km11+444,82m bên phải tuyến, hiện trạng là đất nương, thuộc quản lý của các hộ gia đình: Lường Văn Liên, Lường Thị Hiến và Lường Văn Nhạo, thuộc bản A Má 2, xã Lóng Sập (*sức chứa khoảng 21.000 m³*).

- Vị trí số 05: Thuộc đoạn tuyến TD8 Km12+386,54m - TD10 Km12+470,51m bên trái tuyến, hiện trạng là đất nương, thuộc quản lý của hộ gia đình Hoàng Văn Tăng, thuộc bản A Má 2, xã Lóng Sập (*sức chứa khoảng 20.800m³*).

- Vị trí số 06: Thuộc đoạn tuyến TD41 Km13+439.66m - TD42 Km13+517.01m bên trái tuyến, hiện trạng là đất nương, thuộc quản lý của hộ gia đình Mong Văn Thanh, thuộc bản A Má 2, xã Lóng Sập (*sức chứa khoảng 70.000m³*).

- Vị trí số 07: Thuộc đoạn tuyến Đ77 Km14+965.19m rẽ phải vào bản Mường Bó 200m, hiện trạng là đất ao và đất vườn, thuộc quản lý của hộ gia đình Hoàng Văn Kiên, thuộc bản A Má 1, xã Lóng Sập (*sức chứa khoảng 37.000m³*).

Vị trí các bãi thải đã được đại diện chủ đầu tư, UBND xã Chiềng Khừa, Lóng Sập và các hộ dân thống nhất tại Biên bản làm việc ngày 11/9/2023.

Phương án đổ thải: Sử dụng ô tô tự đổ và máy san gạt, máy lu, đối với vị trí bãi thải số 01 đổ thải theo phương pháp lần dần từ ngoài vào trong, đổ theo lớp và góc dốc mái taluy hệ số dốc mái là 1,5 (*bờ nghiêng nhỏ hơn 45°*). Chiều cao trung bình từ chân bãi đến nền đường hiện trạng cao khoảng 15-18m, trình tự đổ thải chia làm các lớp: mỗi lớp đổ cao 3m khi đã đạt được độ cao thì san gạt, đầm nền thật chặt sau mỗi lớp, lớp sau giạt lùi so với mép ngoài lớp trước là 2m. San gạt tạo mặt bằng trong quá trình đổ thải, đảm bảo thoát nước mặt: Sau khi hoàn thành việc đổ thải, các

bãi thải sẽ hình thành mặt bằng có cos thấp hơn mặt đường hiện trạng, đảm bảo thoát nước mặt. Sau khi kết thúc đổ thải phải đảm bảo đưa bãi thải về trạng thái an toàn như: làm mái đảm bảo có độ dốc ổn định tùy theo vật liệu thải, làm bờ bao quanh các bãi thải, trồng cỏ, cây xanh... (*trong trường hợp hộ dân có nhu cầu*).

4.2.1.2. Giai đoạn vận hành

a) Đối với chất thải sinh hoạt

Khối lượng phát sinh ít, không thường xuyên, quán triệt cán bộ, công nhân tham gia sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng tuyến đường tự thu gom rác thải sinh hoạt, vận chuyển ra các khu vực tập kết chất thải của khu vực, tránh xả bừa bãi ra môi trường xung quanh.

b) Đối với chất thải thông thường

Khối lượng phát sinh ít, không thường xuyên, đơn vị thi công sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng tuyến đường tự thu gom, vận chuyển ra các khu vực tập kết chất thải của khu vực, tránh xả bừa bãi ra môi trường xung quanh.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Bố trí 01 kho chứa chất thải nguy hại tại khu phụ trợ, kho rộng 6 m² (*kết cấu nhà khung thép quay tôn xung quanh để thuận tiện khi thi công xong công trình có thể tháo dỡ mang đi*). Kho được thiết kế kiểu kho kín, có mái che và đặt tại nơi có cao trình đảm bảo, xa khu dân cư, khu lán trại; bố trí biển cảnh báo cháy cách khu vực lưu chứa 30m và tại khu vực lưu chứa. Kho chứa chất thải nguy hại được khóa kín, giao cho người quản lý kho có trách nhiệm quản lý. Trong kho chất thải nguy hại bố trí 04 thùng chứa 60 lít chuyên dụng, có nắp đậy kín, dán nhãn mác theo quy định để lưu giữ, phân loại chất thải.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Quản lý, thu gom gom xử lý chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành về quản lý chất thải nguy hại.

b) Giai đoạn vận hành

Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý: Không có.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Biện pháp: Trang bị thiết bị bảo hộ cho công nhân xây dựng, sắp xếp thời gian thi công hợp lý, thường xuyên bảo trì máy móc thiết bị, sử dụng các máy móc thiết bị có kết cấu đàn hồi, kê đỡ chân máy,...

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: ✓

- + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- + QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
- + QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

4.3.2. Giai đoạn vận hành

Chủ yếu phát sinh từ các phương tiện giao thông đi lại và quá trình duy tu, bảo dưỡng, tuy nhiên cường độ ít. Để giảm thiểu các tác động này, chủ dự án bố trí các biển chỉ dẫn hạn chế tốc độ dòng xe; bố trí máy móc và thời gian sửa chữa, duy tu hợp lý.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

- + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- + QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
- + QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1 Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Giai đoạn xây dựng

- Sự cố sạt trượt đất đá: Đồ thải đúng trình tự, dung tích, đưa bãi thải về trạng thái an toàn sau khi kết thúc đổ thải; giám sát khu vực thi công bãi thải trước và sau các đợt mưa lớn.

- Sự cố tai nạn lao động: Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, tập huấn cho cán bộ công nhân viên về an toàn lao động; kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị thi công; lập kế hoạch cấp cứu, phối hợp với chính quyền địa phương khi xảy ra tai nạn lao động.

- Sự cố cháy nổ, cháy rừng: Xây dựng nội quy và tuân thủ nội quy về phòng cháy chữa cháy và phòng chống cháy nổ trên công trường (*chú ý khu vực kho mìn*); trang bị đầy đủ trang thiết bị và tập huấn cho cán bộ, công nhân thi công trên công trường, lưu ý việc đun nấu trên công trường tránh xa khu vực có cây cỏ khô dễ bắt lửa.

- Sự cố thiên tai: Theo dõi dự báo thời tiết, che chắn công trình, khơi thông dòng chảy tại các khu vực thi công, không thi công trong điều kiện thời tiết bất lợi. Có kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố trước khi thi công, phối hợp, liên hệ chặt chẽ với Ban chỉ huy phòng chống cứu nạn tại địa phương trường hợp xảy ra sự cố.

b) Giai đoạn vận hành

- Sự cố tai nạn giao thông: Lắp biển cảnh báo, gương lồi tại các khu vực cua góc khuất, các điểm đầu nối giao cắt với 2 đầu tuyến để xảy ra tai nạn, thường xuyên bảo trì bảo dưỡng, đảm bảo chất lượng đường.

- Sự cố sạt lở taluy, sụt lún đứt gãy lòng đường, đảm bảo thi công đúng quy.

trình, kỹ thuật, gia cố những vị trí dễ sạt trượt bằng hệ thống kê đúng tiêu chuẩn phù hợp với địa hình, cử cán bộ kiểm tra định kỳ, tổ chức khắc phục ngay khi có sự cố.

4.4.2. Các công trình biện pháp khác

a) Giai đoạn xây dựng

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến giao thông

+ Kiểm tra tải trọng, chia nhỏ khối lượng vận chuyển; bố trí thời gian vận chuyển hợp lý, vận chuyển đúng tốc độ, che chắn thùng xe cẩn thận.

+ Phối hợp, thỏa thuận với chính quyền địa phương về việc sử dụng các tuyến đường cho hoạt động vận chuyển.

- Giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội.

+ Nghiêm túc thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm.

+ Quản lý chặt chẽ công nhân xây dựng và có biện pháp hòa giải hợp lý khi có mâu thuẫn, xung đột với người dân địa phương.

+ Nghiêm cấm việc lợi dụng dự án khai thác rừng trái phép.

- Giảm thiểu tác động đến các công trình hiện hữu

+ Hoàn trả các tuyến đường dân sinh cắt qua tuyến (nếu có).

+ Việc di dời các hệ thống cơ sở hạ tầng (đường điện...) đảm bảo không làm ảnh hưởng đến đời sống sản xuất của người dân.

- Giảm thiểu tác động làm thay đổi cảnh quan khu vực.

+ Tháo dỡ các nhà tạm, lán trại và các công trình phụ trợ. Thu dọn bãi tập kết nguyên vật liệu. San lấp các hố lũng, rãnh thoát nước, hố ga xung quanh kho bãi.

+ Sau khi kết thúc đổ thải phải đảm bảo đưa bãi thải về trạng thái an toàn như: làm mái đảm bảo có độ dốc ổn định tùy theo vật liệu thải, làm bờ bao quanh các bãi thải, chống rửa trôi vật liệu thải xuống khu vực xung quanh.

- Giảm thiểu tác động đến môi trường sinh thái và đa dạng sinh học.

+ Chỉ phát quang trong ranh giới dự án, không lấn chiếm diện tích xung quanh, thi công đến đâu phát quang đến đó.

+ Thu gom, dọn dẹp sạch sẽ mặt bằng thi công công trình sau từng ngày làm việc và khi kết thúc quá trình thi công;

+ Nghiêm cấm và có biện pháp xử lý nghiêm khắc đối với những hành vi săn bắt động vật và chặt phá cây cối khu vực lân cận dự án của cán bộ công nhân.

b) Giai đoạn vận hành

- Giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội: Lắp đặt các biển cảnh báo, phối hợp với cơ quan có chức năng trong việc báo cáo các hành vi phá rừng, vận chuyển gỗ và động vật hoang dã trái phép.

- Giảm thiểu tác động đến dòng chảy: Bố trí các công thoát nước dọc

tuyến đường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

a) Giám sát chất thải rắn

- Đối với chất thải rắn xây dựng.

+ Thông số giám sát: Giám sát về thành phần, khối lượng, lưu giữ và xử lý CTR xây dựng; giám sát việc vận chuyển đất đá thải trong quá trình xây dựng; giám sát việc gia cố bãi thải, hiện tượng trượt sạt bãi thải, giám sát việc bàn giao bãi thải cho chủ hộ sau khi kết thúc xây dựng.

+ Vị trí giám sát: Tại khu vực xây dựng công trình, khu vực bãi thải.

+ Tần suất giám sát: Hàng ngày.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

+ Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng rác phát sinh, công tác phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý.

+ Vị trí giám sát: Tại khu tập kết rác sinh hoạt.

+ Tần suất giám sát: Hàng ngày.

Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

b) Giám sát chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: Giám sát về thành phần, khối lượng, phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại.

- Vị trí giám sát: Tại kho chứa chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày.

Thực hiện quản lý chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

c) Giám sát quá trình vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu.

- Thông số giám sát: Giám sát về số lượng phương tiện vận chuyển, khối lượng vận chuyển, tình hình rơi vãi nguyên, nhiên, vật liệu.

- Tần suất: Liên tục trong quá trình vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu.

d) Giám sát sụt lở, sụt lún công trình

- Thông số giám sát: Mức độ sụt lở, sụt lún của công trình.

- Vị trí giám sát: Tại khu vực xây dựng đường giao thông.

- Tần suất thực hiện: Liên tục trong quá trình thi công.

5.2. Giai đoạn hoạt động

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường định kỳ (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường).

Tuy nhiên, dự án trong giai đoạn vận hành không phát sinh các tác động xấu tới môi trường. Việc giám sát trong giai đoạn này chủ yếu là giám sát trượt, sụt, lún tuyến đường được khai thác tối đa tránh được các sự cố gây hư hỏng, xuống cấp.

- Vị trí giám sát: Trên toàn tuyến.
- Tần suất giám sát: 2 lần/năm.
- Đơn vị giám sát: UBND huyện Mộc Châu – Đơn vị tiếp nhận quản lý Dự án trong giai đoạn vận hành.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, lâm nghiệp, đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan khác trong quá trình thực hiện dự án.

- Dự án chỉ được phép triển khai thực hiện sau khi đã hoàn thiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án.

- Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải rắn xây dựng, chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại trong quá trình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về lĩnh vực môi trường. Trường hợp phát sinh thêm những tác động chưa kịp thời rà soát, đánh giá, Chủ dự án phải lập phương án khắc phục, giảm thiểu đồng thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) và chịu trách nhiệm bồi thường, hoàn trả và thống kê bồi thường thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng phương án sử dụng tầng đất mặt theo quy định tại Điều 57 của Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018 và Điều 14 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ.

- Xây dựng phương án điều tiết giao thông trước khi triển khai thi công; lắp đặt hệ thống biển báo, mốc giới các địa bàn thi công khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực Dự án, tuyến đường vận chuyển và khu vực đổ thải về thời gian và địa bàn thi công; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông đường bộ và đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong thời gian thi công, kịp thời xử lý các vấn đề liên quan tới bảo đảm an toàn giao thông trong thời gian thi công.

- Chịu trách nhiệm về khối lượng đất, đá thải của dự án. Đồng thời tính toán, thiết kế chi tiết phương án đổ thải, kè chắn bãi thải đảm bảo không ảnh hưởng đến cao độ hiện trạng của đường giao thông, các vấn đề an toàn vận hành hệ thống điện liên quan; phương án thoát nước mặt và khả năng tiêu thoát lũ của khu vực. Sau khi

kết thúc đổ thải phải đảm bảo đưa bãi thải về trạng thái an toàn đảm bảo có độ dốc ổn định, có bờ bao quanh các bãi thải, chống rửa trôi vật liệu thải xuống khu vực xung quanh. Không được tự ý làm thay đổi mục đích sử dụng đất khu vực bãi thải khi chưa có ý kiến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi hoàn thành, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát.

- Cam kết tiếp thu toàn bộ, trung thực kết quả tham vấn và đưa ra giải pháp giảm thiểu tác động của dự án đầu tư đối với môi trường và các ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của nhân dân bị ảnh hưởng. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và kết quả tham vấn trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường và phòng ngừa các rủi ro, sự cố môi trường trong quá trình thực hiện dự án; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin, số liệu trong phương án thiết kế trong hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Trường hợp gây ô nhiễm môi trường và gây ra sự cố môi trường chủ dự án phải thống kê và bồi thường thiệt hại theo quy định./.